

SPACE IN VIETNAMESE FOLK JOKES

Dang Quoc Minh Duong

*Faculty of Social Sciences & Humanities,
Van Hien University, Ho Chi Minh City,
Vietnam*

Corresponding author: Dang Quoc Minh Duong,
e-mail: duongdqm@vhu.edu.vn

Received March 20, 2025.

Revised May 22, 2025.

Accepted June 16, 2025.

KHÔNG GIAN TRONG TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Đặng Quốc Minh Dương

*Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường
Đại học Văn Hiến, thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Đặng Quốc Minh Dương,
e-mail: duongdqm@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/3/2025.

Ngày sửa bài: 22/5/2025.

Ngày nhận đăng: 16/6/2025.

Abstract. Space is a crucial category in Vietnamese folk humor, as it not only reflects the material world but also conveys artistic intentions and social relationships. It is not merely a location or setting, but an aesthetic field where satirical situations are constructed. A survey reveals four typical types of space: rural villages, families, officialdom, and the spiritual realm. Each space carries both realistic and symbolic dimensions. While family space tends to evoke everyday laughter and gentle moral lessons, the spaces of authority and spirituality open possibilities for profound mockery of dominant powers through forms of “soft resistance,” expressing folk wisdom and critical spirit. The flexibility and multi-layered meaning of artistic space significantly contribute to the vitality and intellectual depth of the Vietnamese folk humor genre that, though created to entertain, is rich in humanism and critical values.

Keywords: Space, jokes, village space, family space, courtroom space, spiritual space.

Tóm tắt. Không gian là phạm trù quan trọng trong truyện cười dân gian, không chỉ phản ánh thế giới vật chất mà còn thể hiện ý đồ nghệ thuật và các quan hệ xã hội. Không gian không đơn thuần là địa điểm hay bối cảnh, mà là trường thẩm mỹ nơi các tình huống trào phúng được kiến tạo. Khảo sát cho thấy có bốn kiểu không gian tiêu biểu: làng quê, gia đình, công quyền và tâm linh. Mỗi không gian vừa mang tính hiện thực, vừa mang tính biểu tượng. Nếu không gian gia đình thiên về tiếng cười đời thường, giáo huấn nhẹ nhàng thì không gian công quyền và tâm linh lại mở ra khả năng giễu nhại sâu sắc các thế lực trường thượng bằng hình thức “phản kháng mềm”, thể hiện tinh thần phản biện và trí tuệ dân gian. Chính sự linh hoạt và đa tầng nghĩa của không gian nghệ thuật đã góp phần làm nên sức sống và chiều sâu tư tưởng cho truyện cười dân gian Việt Nam – một thể loại tuy để mua vui nhưng thấm đẫm tinh thần phê phán và nhân văn.

Từ khóa: không gian, truyện cười, không gian làng quê, không gian gia đình, không gian công đường, không gian linh thiêng.

1. Mở đầu

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học, không gian nghệ thuật* là “hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật thể hiện tính chỉnh thể của nó (...) có tác dụng mô hình hóa các mối liên hệ của bức tranh thế giới như thời gian, xã hội, đạo đức, tôn ti trật tự” [1; 160]. Trần Đình Sử cho rằng, cũng như thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật là hình thức tồn tại của thế giới nghệ thuật. Nhưng khác với không gian ba chiều của thế giới thực, nó là mô hình thế giới mang tính độc lập

và ý nghĩa tượng trưng: “không gian nghệ thuật trong tác phẩm là sự mô hình hóa các mối liên hệ về thời gian, xã hội, đạo đức của bức tranh thế giới và sự lựa chọn của nhà văn” [2; 70]. Trong *Dẫn luận thi pháp học văn học*, ông giải thích rõ hơn: “Gọi là không gian nghệ thuật là bởi vì không gian này không giản đơn là tái hiện không gian của thực tại mà thể hiện quan niệm không gian của con người, và rộng ra là của cả một nền văn hóa trong một thời kì lịch sử...” [3; 127]. Như vậy, các chi tiết hiện thực khi đưa vào tác phẩm văn học đều trở thành *tín hiệu thẩm mĩ*, cần được giải mã từ góc độ thi pháp.

Từ trước đến nay, các giáo trình, bài viết ít khi đề cập đến không gian trong thể loại *truyện cười*. Ngay cả các công trình thi pháp như *Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian* (Đỗ Bình Trị), *Thi pháp Văn học dân gian* (Lê Trường Phát), *Những vấn đề thi pháp văn học dân gian* (Nguyễn Xuân Đức)... cũng chưa quan tâm đến vấn đề này. Mới đây, trong *Giáo trình thi pháp văn học dân gian*, Lê Đức Luận được xem là người đầu tiên tìm hiểu không gian trong truyện cười. Ông cho rằng: không gian trong truyện cười “*chủ yếu là không gian gia đình, không gian sinh hoạt, nơi nhân vật hoạt động mà biểu lộ cái đáng cười, tính cách đáng cười (...)* Không gian trong truyện cười thường đóng khung trong một phạm vi hẹp, cụ thể như trong ngôi nhà, trong phòng” [4; 200-201]. Những nhận định như vậy rất quý, nhưng tiếc là chưa nhiều, chưa bao quát đủ và chưa giải quyết hết các vấn đề về không gian nghệ thuật trong truyện cười dân gian.

Do vậy, bằng việc sử dụng các phương pháp phân tích – tổng hợp, thống kê, so sánh – đối chiếu và tiếp cận liên ngành, qua khảo sát *truyện cười dân gian người Việt* – cụ thể là các bộ: *Truyện cười dân gian người Việt* (3 tập, Nguyễn Chí Bền chủ biên), *Kho tàng truyện cười Việt Nam* (3 tập, Vũ Ngọc Khánh), *Tiếng cười dân gian Việt Nam* (Trương Chính & Phong Châu), *Truyện cười dân gian Việt Nam* (Trần Đình Nam),... với 432 truyện kể liên quan – bài viết sẽ làm rõ một số vấn đề về không gian nghệ thuật trong truyện cười dân gian. Cụ thể, bài viết tập trung phân tích các kiểu không gian tiêu biểu như: *không gian làng quê, không gian gia đình, không gian công đường, không gian tâm linh*, từ đó lí giải vai trò của không gian đối với tiếng cười dân gian.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đặc điểm các kiểu không gian trong truyện cười dân gian

2.1.1. Không gian làng quê

Trong *truyện cười dân gian Việt Nam, không gian làng quê* – không gian sinh hoạt nông thôn – giữ vị trí trung tâm, với gần 256 truyện kể, chiếm tỉ lệ áp đảo về tần suất xuất hiện. Điều này không chỉ phản ánh thực tế xã hội phong kiến xưa, nơi nông dân là tầng lớp đông đảo nhất, mà còn bắt nguồn từ đặc điểm lịch sử – văn hóa của dân tộc Việt: một dân tộc cư trú chủ yếu ở nông thôn, gắn bó bền chặt với làng xã truyền thống. Mỗi làng quê Việt Nam, với cánh đồng, lũy tre, sân đình, chợ phiên,... không chỉ là đơn vị tự quản mà còn là một *tiểu vũ trụ văn hóa* hoàn chỉnh, nơi hình thành, nuôi dưỡng và lan tỏa các tác phẩm *văn học dân gian* – đặc biệt là *truyện cười*.

Trước hết, cần khẳng định rằng: *Không gian làng quê* không chỉ là bối cảnh vật lí mà còn là *môi trường sống tự nhiên* cho truyện kể dân gian, nơi các tình huống trào phúng bắt nguồn từ sinh hoạt cộng đồng. Những mâu thuẫn thường nhật giữa người nông dân, hàng xóm láng giềng,... đều được *phóng chiếu lên phóng nền làng xã* một cách sinh động. Phần lớn *truyện cười dân gian người Việt* ra đời từ không gian này, sau đó lan rộng sang các vùng khác. Không gian nông thôn vì thế vừa là nơi phát sinh, vừa là nơi *tiếp nhận, bảo tồn và lưu truyền* truyện cười – nuôi dưỡng tiếng cười dân gian cả về nội dung lẫn tinh thần. Cuộc sống làng xã xưa tuy hiền hòa nhưng cũng chất chứa nhọc nhằn, gò bó; trong bối cảnh đó, truyện cười là hình thức *giải trí tự phát*, đồng thời là phương tiện giải tỏa tâm lí cộng đồng. Tiếng cười được ví như “*liều thuốc bổ*” bởi nó giúp người dân duy trì tinh thần lạc quan, ước mơ sống thiện giữa cơ cực và bất công. Trong các không gian cộng đồng như chợ, sân đình, lễ hội làng hay buổi tụ họp, những câu chuyện tiêu lâm được kể lại, lan truyền – hình thành *hệ sinh thái văn hóa tiếng cười*, nơi truyện cười vừa tiêu khiển, vừa

kết nối con người, cố kết cộng đồng và bảo tồn ký ức tập thể. Mọi biểu hiện đời sống nông dân – từ ăn, mặc, ở đến ứng xử – đều là chất liệu cho tiếng cười. Tiếng cười ở đây không nhằm đả kích, hạ bệ mà thiên về giễu nhại hóm hỉnh, nhẹ nhàng, phê phán những thói xấu như khoe khoang, sinh hình thức, học đòi nửa vời hay tệ “*thấy sang bắt quàng làm họ*”. Tất cả hiện lên rõ nét trong không gian làng quê, khiến tiếng cười trở nên chân thực, dễ tiếp nhận và lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng. *Chúng tôi điếm qua một số không gian làng quê tiêu biểu.*

Trong truyện cười dân gian Việt Nam, *ruộng đồng* là không gian gắn bó mật thiết với đời sống lao động của người nông dân, với 79 truyện kể – đồng thời cũng là bối cảnh sinh động cho các tình huống hài hước phát sinh từ sinh hoạt sản xuất nông nghiệp. Các truyện như *Lương đầu thiên địa*, *Nhớ ra rồi*, *Bới com trưa*, *Mặt thẳng rể đây*, *Uớt át trời mưa xôi nếp trăm đường*, *Buôn vịt trời*,... đều liên quan đến không gian ruộng đồng – nơi lao động tuy nhọc nhằn nhưng lại là chốn “sáng tạo tiếng cười” của người dân quê. Đây là nơi người ta bày tỏ cảm xúc thật – đói thì ăn, khổ cũng ráng đùa; từ đó, dân gian thêu dệt nên những câu chuyện đậm chất trào phúng. Tiếng cười bật ra từ sự đối lập giữa công việc cực nhọc và hành vi ngô nghê, vụng về hoặc phi lí – cho thấy bản lĩnh lạc quan và tinh thần *tự trào* mạnh mẽ của cư dân nông nghiệp. Chính nhờ không gian ruộng đồng quen thuộc ấy, tiếng cười trở nên gần gũi, chân thực, phản ánh rõ tinh thần dân dã, hóm hỉnh và khả năng “*tự chữa lành*” của cộng đồng thông qua tiếng cười.

Liên quan đến *không gian ruộng đồng*, kho tàng truyện cười dân gian Việt Nam còn có 157 truyện khai thác đặc sản nông nghiệp và môi trường sinh thái làng quê – thuộc nhóm truyện “*nói khoác*”, “*nói trạng*”, hay còn gọi là *truyện các làng cười*. Đây là dạng truyện giàu trí tưởng tượng, đậm tính phóng đại, thường được kể trong các không gian cộng đồng như chợ, đình, quán nước – nơi tinh thần vui đùa, thách đố và giải trí được khơi dậy mạnh mẽ. Nội dung truyện bám sát điều kiện tự nhiên và sinh hoạt sản xuất đặc thù của từng vùng quê, cho thấy mối quan hệ hữu cơ giữa tiếng cười dân gian và môi trường văn hóa – sinh thái bản địa. Chẳng hạn, vùng Văn Lang (Phú Thọ) có truyện về cá to bằng thuyền, lươn dài chui ba làng; làng Đồng Sài (Bắc Ninh) khoác về khoai to như vạc, lá khoai bằng quạt cò; làng Vĩnh Hoàng (Quảng Trị) có ớt to như ngà voi, khoai môn sấp dẻo đến rụng răng. Những truyện này không chỉ là trò vui, mà còn phản ánh sự gắn bó giữa con người với thiên nhiên nông nghiệp, cho thấy mỗi vùng quê đều có “*đặc sản tiếng cười*” riêng – gắn với thổ nhưỡng và lối sống địa phương – nhưng cùng chia sẻ tinh thần lạc quan, hóm hỉnh của cư dân nông thôn. Không chỉ là bối cảnh, *không gian sinh thái – văn hóa nông thôn* còn góp phần định hình phong cách kể truyện và giọng điệu trào lộng đặc trưng. *Truyện làng cười* là sản phẩm của trí tưởng tượng phóng túng nhưng không tách rời hiện thực – người dân “*nói quá*” để giải tỏa, ganh đua, phô diễn trí tuệ, tự hào về làng mình, đồng thời khẳng định rằng tiếng cười, dù phóng đại đến đâu, vẫn bắt rễ từ đời sống thường nhật. Qua đó cho thấy, không gian nông thôn trong truyện cười không chỉ tái hiện thế giới quen thuộc, mà còn kích hoạt hệ thẩm mỹ dân gian nơi *phóng đại không nhằm đối trá, mà để khẳng định bản sắc, lan tỏa sức sống và làm giàu tinh thần cộng đồng*.

Cùng với không gian ruộng đồng, *không gian trường học tư thực, lớp học tại gia* cũng là tiểu không gian làng quê quen thuộc, được dân gian khai thác khá nhiều. Trường học – xét từ bản chất – là nơi truyền bá chữ nghĩa thánh hiền, hun đúc nhân cách, góp phần gìn giữ chuẩn mực văn hóa đạo lí; hay nói cách khác, là không gian giáo dục, nơi *truyền đạt tri thức và giá trị đạo đức*, vốn được xem như *ngôi đền thiêng* của hoạt động trồng người. Không gian này thường gắn với hình ảnh ông đồ, thầy đồ – người được xã hội tôn trọng như biểu tượng tri thức và đạo đức. Tuy nhiên, trong truyện cười dân gian Việt Nam, trường học, lớp học tại gia lại bị châm biếm như một không gian suy thoái chức năng, biến tướng giá trị. Ít nhất 13 truyện cười dân gian đề cập trực tiếp đến không gian này, phần lớn tái hiện hình ảnh thầy đồ *háo sắc, tham ăn, vô đạo*, dùng nơi dạy học làm công cụ mưu lợi cá nhân. Chẳng hạn, trong truyện *Tui đói lắm rồi*, ông thầy đồ tán tỉnh mẹ góa của học trò bằng lời lẽ tục tĩu, giả vờ mắng học trò để gửi thông điệp tán tỉnh bà mẹ: “*Đ... mẹ mày*” [5; 103]. Truyện *Thôi chưa đến chết* mô tả ông thầy tư thông với nữ chủ nhà, thể hiện

sự tha hóa nhân cách của người vốn được xem là “khuôn vàng thước ngọc”. Các truyện như *Thầy đồ ăn bánh rán*, *Thầy đồ liếm mật*, *Thầy đồ ăn vụng chè*, *Thầy đồ liếm nước cốt dừa*, *Chó cắn tay*, *Thái cực sinh lưỡng nghi*,... đều xoay quanh việc thầy đồ biến lớp học thành nơi thỏa mãn con thèm ăn, bất chấp danh dự, nghề nghiệp và phẩm hạnh đạo Nho. Thậm chí, trong *Thầy đồ ăn vụng chè*, thầy còn đại tiện vào chính chiếc tráp – vật thiêng của nghề gõ đầu trẻ – thể hiện đỉnh điểm của sự giải thiêng hình ảnh người thầy. Những truyện này khai thác triệt để mâu thuẫn giữa vai trò dạy người và hành vi tha hóa. Tiếng cười bật ra từ sự ngược đời – nơi đáng trang nghiêm lại xảy ra trò lố bịch – thể hiện rõ đặc trưng trào lộng của truyện cười dân gian. Không gian học đường vì thế được dân gian “giải thiêng”, hạ bệ bằng tiếng cười sâu cay, như một cách để công chúng phê phán sự tha hóa của tầng lớp trí thức và phản ánh khát vọng giáo dục đích thực – nơi sự học phải song hành với đạo đức. Trường học trong truyện cười dân gian vừa là không gian giáo dục bị biến tướng bởi động cơ thấp hèn, vừa là bối cảnh nghệ thuật để dân gian vạch trần lệch chuẩn đạo lý qua tiếng cười phê phán nhẹ nhàng nhưng giàu tính giáo dục. Hơn nữa, những truyện này còn phản ánh một thời kì suy vi của nền giáo dục Nho học, đặc biệt từ thế kỉ XVII trở về sau. Trần Trọng Kim nhận xét: “Phép thi cử bây giờ thật là bậy (...) Người tranh nhau vào trường, xéo đạp lẫn nhau, có người chết (...) Học trò với quan trường thì thông với nhau, thành ra cái chợ thi” [6; 349]. Trong bối cảnh ấy, hình ảnh thầy đồ không còn gắn với sự mẫu mực, mà trở thành biểu tượng cho sự thoái hóa chuẩn mực xã hội.

Cuối cùng, *chợ quê* cũng là một tiểu không gian quen thuộc của làng xã. Nơi đây không chỉ là chốn mua bán hàng hóa mà còn là một không gian văn hóa, nơi phơi bày nhiều thói hư tật xấu của con người dưới góc nhìn trào lộng. Chợ là nơi “tụ hội tạm thời” của đủ hạng người – từ người bán đến người mua, từ dân nghèo đến kẻ gian manh – do đó, rất dễ nảy sinh tình huống bi hài. Qua 07 truyện như *Từ tử bằng bún*, *rượu*, *Mùng vợ đi chợ về*, *Cái tội tham ăn*, *Tôi bị đau bụng*, *Thừa một con thì có*,... có thể thấy chợ trở thành nơi phơi bày thói tham ăn, nói dối. Nhiều truyện còn khai thác tâm lí “ăn hàng”, “thèm ăn”, “trốn chồng đi chợ” để tạo nên những tình huống gây cười đậm chất đời thường. Không gian chợ trong truyện cười dân gian vì thế vừa gợi cảm giác gần gũi, vừa là sân khấu xã hội thu nhỏ – nơi dân gian thỏa sức bóc lột mâu thuẫn ứng xử giữa người với người qua những tiếng cười hài hước nhưng cũng đầy phê phán, tự trào.

Như vậy, *không gian làng quê* trong truyện cười dân gian Việt Nam không chỉ phản chiếu hiện thực xã hội truyền thống, mà còn thể hiện quan niệm thẩm mĩ đặc trưng của văn hóa dân gian – một cái nhìn trần thế, hóm hỉnh và bình dân hóa hiện tượng đời sống. Tiếng cười phát sinh từ đó không chỉ mang tính giải trí, mà còn là công cụ phê phán xã hội sắc sảo. Qua lăng kính giễu nhại, người dân đã đưa vào truyện cười những thói hư tật xấu như tham lam, hách dịch, háo danh, háms quyền,... – tất cả trở thành đối tượng bị châm biếm nhằm cảnh tỉnh, răn đe một cách nhẹ nhàng mà thấm thía. Tiếng cười vì thế không chỉ là sự mua vui, mà còn là “cơ chế tự điều chỉnh đạo đức cộng đồng”, dựa trên ý thức tự giác, nơi giá trị con người được đo bằng ứng xử và khả năng tiếp nhận phê bình, hơn là quyền lực hay địa vị.

2.1.2. Không gian gia đình

Không gian gia đình là môi trường sinh hoạt thân thuộc, gần gũi nhất trong đời sống người Việt, nơi diễn ra các *mối quan hệ cơ bản* như vợ chồng, cha con, mẹ chồng – nàng dâu,... Trong *truyện cười dân gian*, đây cũng là bối cảnh quen thuộc để phơi bày những xung đột đời thường và tạo nên tiếng cười trào phúng mang tính giáo huấn.

Trong nhiều truyện, tình huống diễn ra trong phạm vi hẹp của mái nhà, gian phòng thân thuộc. Không gian gia đình cung cấp khung cảnh thuận lợi để dân gian xây dựng tình huống gây cười một cách tự nhiên và nhanh gọn. Bởi người nghe đã quá quen với các quan hệ trong nhà, truyện có thể đi thẳng vào mâu thuẫn mà không cần dẫn dắt dài dòng. Mâu thuẫn hài hước đặt trong không gian đời thường càng tăng hiệu quả gây cười, vì hành vi lệch chuẩn diễn ra ngay nơi lẽ ra phải đầy trật tự, nề nếp. Chẳng hạn, truyện *Người vợ giỏi tính* kể chuyện chị vợ làm cỗ giỗ bên ngoại, vừa gói bánh vừa... ăn bớt dần, từ mười cái còn một rồi ăn luôn cái cuối cùng [7; 340-344]. Tương

tự, truyện *Chạy lối nào* kể chuyện gã háo sắc trêu phụ nữ đang cho con bú, bị chồng chị đánh vì thói cũ không chừa [8; 227]. Các truyện như *Vợ chồng ăn vụng*, *Trúng ngót* cũng phơi bày tính xấu như tham ăn, vụng về, ngu ngơ trong đời sống hằng ngày. Những chi tiết rất “người” ấy được tái hiện trong không gian bếp núc, phòng ngủ, sân nhà... – nơi từ riêng tư trở thành “sân khấu” cho tiếng cười chệch nhẹ nhàng mà thâm thúy. Như nhà nghiên cứu Hoàng Tiến Tự từng nhận định, đây là “*tiếng cười mang nội dung ý nghĩa xã hội rõ rệt, cái bị cười là những thói hư tật xấu đáng phê phán*” [9; 89] diễn ra ngay trong nội bộ nhân dân. Nhờ truyện cười, hành vi bị cười không chỉ bị chế giễu mà còn được điều chỉnh, mỗi mẩu chuyện là một bài học luân lý nhẹ nhàng. Thật vậy, qua không gian gia đình – hay nói cách khác, qua việc mượn bối cảnh gia đình quen thuộc – dân gian đã triển khai tiếng cười như một hình thức tự phê bình và giáo hóa nhẹ nhàng. Những hành vi lệch chuẩn như tham ăn, vụng về, háo sắc... bị đưa ra giễu nhại không chỉ để mua vui, mà còn để người nghe soi xét, tự điều chỉnh. Không ít truyện trở thành bài học ứng xử sinh động, giúp củng cố đạo lý theo cách kín đáo mà sâu sắc. Như vậy, gia đình trong truyện cười không chỉ là phòng nền hiệu quả cho tình huống hài, mà còn là mảnh đất để tiếng cười dân gian thực hiện chức năng xã hội – đạo đức một cách tự nhiên và bền bỉ.

Trong *không gian gia đình*, hai tiểu không gian thường xuyên xuất hiện, nổi bật nhất là *không gian bàn ăn* và *phòng riêng vợ chồng*. Đây là những không gian vừa đời thường, vừa dễ phát sinh mâu thuẫn tâm lý, ứng xử – từ đó trở thành môi trường lý tưởng để kích hoạt tiếng cười trào phúng.

Bàn ăn là nơi các thành viên quây quần dùng bữa, thể hiện văn hóa ứng xử và quan hệ tình cảm gia đình. Trong văn hóa Việt, đây còn là không gian chia sẻ, phản ánh nếp sống. Tuy vậy, trong truyện cười dân gian, bàn ăn thường trở thành nơi phơi bày thói tham ăn, ích kỷ hoặc giả dối. Có đến 78 truyện liên quan đến bàn ăn – cho thấy mức độ phổ biến và hiệu quả gây cười của bối cảnh này. Truyện *Kéo hẩn lạc đàn đi* kể chuyện một anh ăn hết bốn con cá rồi mới mời bạn ăn con cuối, bạn liền nhường lại “kéo nó lạc đàn” [8; 30]. Truyện *Tâm đầu ý hợp* phơi bày sự giả dối che đậy tính ích kỷ: vợ múc canh nạc cho chồng, mỡ cho khách, chồng lại khen “tâm đầu ý hợp!” [5; 17-18]. Các truyện như *Con to con nhỏ*, *Thì mời cả làng nữa à?*, *Thì tao...* đều khai thác tình huống tranh ăn, giành lợi trên mâm cơm – vốn được xem là không gian thiêng liêng. Theo *Từ điển biểu tượng thế giới*, cái bàn không chỉ để ăn mà còn “gợi ý niệm về bữa ăn hiệp hội... hình ảnh của một trung tâm tinh thần” [10; 51]. Tiếng cười phát sinh từ sự đối lập giữa kỳ vọng đạo đức và thực tế ích kỷ, tạo nên hiệu quả trào phúng thâm thúy.

Không gian phòng riêng vợ chồng, đặc biệt là phòng the, là một “sân khấu” hiệu quả của truyện cười dân gian người Việt. Có đến 173 truyện mang yếu tố tính dục, trong đó 37 truyện lấy phòng riêng làm bối cảnh. Theo quan niệm truyền thống, đây là nơi thiêng liêng, biểu tượng hạnh phúc, duy trì nòi giống. Nhưng trong truyện cười, không gian này lại bị giải thiêng, trở thành nơi xảy ra những tình huống hài hước, trớ trêu. Vì là không gian riêng tư của vợ chồng nên những người lạ xuất hiện tại đây thường bị xem là bất hảo. Trong *Nam mô... boong!*, các nhân vật như sư, lí trưởng, thầy đồ đều là kẻ háo sắc, bị bắt quả tang, chui vào gầm giường, hòm quần áo, rồi bị đòn, bị đưa ra đình vạch mặt. Các truyện như *Đêm động phòng*, *Chập cheng*, *Cô dâu thử tài chú rể*, *Có ai thủng bụng không*, *Anh hai vợ...* đều khai thác sự vụng về, ngây ngô hoặc đối thoại trần trụi, phản ánh mâu thuẫn và bất cập trong đời sống chăn gối. Trong xã hội xưa, vì nhà cửa chật chội, nhiều thế hệ sống chung, nên phòng riêng là điều khó có – khiến các tình huống như trong các truyện *Bán kẹo*, *Chập cheng*, *Cô dâu thử tài chú rể...* trở nên chân thực, gần gũi. Những truyện này không chỉ hài hước mà còn bóc tách lớp đạo đức giả, phản ánh đời sống bản năng – sinh lý của con người, vốn bị che đậy trong xã hội phong kiến.

Đặc biệt, trong không gian riêng tư ấy, chiếc giường – với tư cách là vật dụng trung tâm – mang ý nghĩa biểu tượng mạnh mẽ. Theo Chevalier, J., Gheerbrant, A., “cái giường mang ý nghĩa hai chiều của đất: nó truyền thụ và thu hút sự sống” [10; 365]. Giường là nơi yêu đương, nghỉ ngơi, sinh nở – biểu tượng song trùng giữa tình yêu và sự tái tạo. Nhưng khi đi vào truyện cười, chiếc giường trở thành nơi phơi bày bản chất thật của nhân vật: háo sắc (*Chánh tổng phải đòn*),

trơ tráo, vụ lợi (*Thôi chừa đến chết*), hay dâm uế núp bóng đạo mạo. Từ không gian riêng tư, hành vi lệch chuẩn thành trung tâm gây cười, khơi dậy sức mạnh châm biếm. Dân gian không né tránh chủ đề nhạy cảm, mà khai thác khéo léo để tạo nên hệ thẩm mỹ tiếng cười “trần thế”, phóng khoáng. Truyện cười vừa tiêu khiển, vừa giải thiêng, phê phán các chuẩn mực giả tạo và thể hiện khát vọng sống mạnh mẽ. Không gian phòng riêng không chỉ “thân mật hóa” tình huống gây cười mà còn phản chiếu sinh động các mâu thuẫn xã hội – tâm lý – văn hóa. Tiếng cười bật ra từ đối lập giữa quy phạm và bản năng, giữa đạo đức lý tưởng và đời sống thực tế. Việc truyện cười dám đưa phòng the – vốn là không gian cấm kỵ trong văn học bác học – cho thấy tinh thần dân chủ mạnh mẽ. Dưới hình thức hài hước, truyện cười giải thiêng lễ giáo, đồng thời thừa nhận tính dục như một phần tự nhiên. Tiếng cười nhờ thế trở thành “phương tiện” phản kháng và giải tỏa trong cấu trúc xã hội gia trưởng. Không gian phòng riêng, tuy khép kín, nhưng lại phơi bày bản chất con người – nơi dân gian dùng tiếng cười để vừa chất vấn, vừa hóa giải định kiến xã hội một cách sâu sắc và nhân văn.

Như vậy, từ mái nhà chung đến bàn ăn, phòng riêng hay những góc khuất trong sinh hoạt, *không gian gia đình* trong truyện cười dân gian không chỉ là bối cảnh mà còn là điểm hội tụ giá trị nhân sinh. Qua đó, những nghịch lý, lệch chuẩn trong đời sống được phơi bày qua tiếng cười. Việc khai thác các không gian quen thuộc này không chỉ tạo tiếng cười mà còn phản ánh *sự mộc mạc, chân thật* của đời sống dân gian. Đây là kiểu không gian phổ biến trong truyện cười, cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa không gian gia đình và các chuẩn mực đạo lý. Nhờ đó, truyện cười vừa khắc họa đời sống thường nhật, vừa góp phần *điều chỉnh hành vi, củng cố đạo lý* trong cộng đồng truyền thống.

2.1.3. Không gian công đường, công quyền

Trong *truyện cười dân gian Việt Nam*, có 46 truyện liên quan đến *kiểu nhân vật quan lại*. Gắn liền với kiểu nhân vật này là *không gian pháp lý* như công đường, phủ đường, dinh quan – vốn là nơi tượng trưng cho sự nghiêm minh và công lý. Nhưng dưới lăng kính dân gian, nơi này bị “đào chiều”, trở thành bối cảnh gây cười, nơi diễn ra nhiều vụ xử kiện trớ trêu và bất công. Tại đây, những hình ảnh nghiêm trang bị đặt vào tình huống phi lý, phơi bày bản chất lộ bịch, tham lam của tầng lớp cầm quyền. Các truyện như *Thầy kiện củ khoai*, *Nhưng nó phải bằng hai mày*, *Bấm, toàn gạo, muối*, *Hai kiểu áo*,... đã biến công đường thành một “*sân khấu xã hội*”, nơi tiếng cười trở thành *hình thức phản kháng sắc sảo* đối với thực tại phong kiến.

Không chỉ gây cười đơn thuần, những truyện cười trong *không gian pháp lý* còn hàm chứa tiếng cười đả kích sâu cay. Trong *Nhưng nó phải bằng hai mày*, vụ kiện giữa Cải và Ngô tố cáo thẳng nạn hối lộ trắng trợn chốn công đường. Lí trưởng xử theo độ dày phong bì: “*Tao biết mày phải... nhưng nó lại phải... bằng hai mày!*” [11; 75–76]. Câu nói vừa nực cười, vừa phơi bày sự tha hóa đạo đức nơi cầm cân nảy mực. Trong *Cứ bảo tuổi Sửu có được không?*, ông quan “thanh liêm” tức giận khi nhận được... chuột bạc vì tuổi Tý, rồi ngó ý “tăng giá” bằng câu: “*Cứ bảo tuổi Sửu có được không?*”. Dân gian đã khéo léo dùng *ngôn ngữ đối thoại* và *tình huống trào phúng* để lật tẩy sự đạo mạo giả tạo, cho thấy đằng sau chiếc áo quan là kẻ tham lam, thiên cận và đáng cười. Tiếng cười ở đây vì vậy vừa là *lời tố cáo*, vừa là hành vi *bóc trần quyền lực giả tạo*, thể hiện rõ tính chất phê phán xã hội sâu sắc của truyện cười dân gian.

Như đã biết, phần lớn *truyện cười* lưu truyền đến nay thuộc thời kì phong kiến suy tàn (thế kỉ XVI–XIX) – giai đoạn mà uy thế giai cấp thống trị suy yếu, nhiều mặt xấu bị phơi bày. Trong tâm thức người Việt, quan được gọi là *quan phụ mẫu*, được tôn kính và trọng vọng. Khi đến nhà quan, “phải bỏ giày, phải có đồ lễ và phải lạy hai lạy gọi là lạy trình” [12; 232]. Tuy nhiên, từ thời Trịnh Giang, chế độ mua quan bán chức tràn lan khiến “ai có tiền là được quyền trị dân, chứ không cần có tài năng gì cả” [12; 342]. Vì thế, nhiều *quan phụ mẫu* chỉ lo tư túi. Insun Yu cũng nhận định: “Trong ngành tư pháp, sự sa đọa trầm trọng hơn cả (...) phần lớn các quan tòa đều ăn hối lộ” [13; 177]. Công đường – vốn là biểu tượng công lý – trong truyện cười dân gian trở thành *phông nền* cho những phiên xử đầy bất công, lạm quyền và đạo đức giả. Qua đó, tiếng cười dân

gian đóng vai trò như một *phương tiện đấu tranh xã hội*, nơi người dân “nói thật” bằng giọng hài hước để tố cáo sự suy thoái của bộ máy công quyền.

Trong không gian công đường, có một *tiểu không gian phi trần thế* – nơi các phiên xử diễn ra ở âm phủ hay thiên đình – nhưng thực chất là phản chiếu chuyện đương gian. Đây là hình thức ẩn dụ trào lộng đặc sắc: dân gian “mượn xác” thế giới siêu nhiên để tránh đã động trực tiếp mà vẫn phê phán sâu cay. Trong *Diêm Vương thêm ăn thịt*, hồn con lợn kêu oan khiến Diêm Vương bật thốt: “Thôi thôi! Đủ rồi... đừng nói nữa tao thêm...” [14; 261], phơi bày lòng tham trần tục của kẻ xử án. Tương tự, *Xin đại vương đình lại cho một đêm* kể chuyện kẻ có công bị đày, kẻ xấu được vinh danh. Những phiên xử siêu nhiên ấy là tấm gương phản chiếu công lí đời thực – nơi người ngay bị vui dập, kẻ ác được dung túng. Qua đó, truyện cười thể hiện trí tuệ phản biện sâu sắc và khả năng phê phán xã hội sắc sảo của dân gian Việt Nam.

Trong làng xã truyền thống của người Việt, *đình làng* không chỉ là trung tâm tín ngưỡng mà còn là biểu tượng quyền lực cộng đồng và không gian hành chính tự quản. Đây là nơi dân làng hội họp, tổ chức lễ hội, xét xử theo luật tục địa phương. Trong truyện cười dân gian, đình làng thường xuất hiện dưới góc nhìn trào phúng, nơi quyền lực bị tha hóa, nghi thức cộng đồng trở thành công cụ áp bức người yếu thế. Có ít nhất 07 truyện ghi lại tình huống lí tưởng, hội đồng lợi dụng đình làng để xử phạt phụ nữ chửa hoang, người nghèo, kẻ thấp cổ bé họng – dưới danh nghĩa bảo vệ thuần phong nhưng thực chất là “ăn vạ”. Truyện *Đái mau đưa vô, Có lẽ giống, Cái ấy của làng...* không chỉ phơi bày sự lạm quyền, mà còn cho thấy cách dân gian dùng tiếng cười vạch trần bất công trong thiết chế cộng đồng. Theo Phan Cẩm Thượng, phạt vạ trong làng cô là một hình thức ăn uống tàn nhẫn khiến người phạm lỗi phải bán nhà, bán ruộng, thậm chí bán thân [15; 56–57]. Tiếng cười dân gian, vì thế, không chỉ là giải tỏa mà còn là sự phản tỉnh sâu sắc về bản chất quyền lực, công lí và đạo lí trong môi trường làng xã.

Có thể thấy, các truyện xử kiện không chỉ phản ánh bất cập trong công quyền, mà còn thể hiện sự tinh táo, sắc sảo của nhân dân trong nhận diện quyền lực. *Công đường* – nơi lẽ ra tượng trưng cho công lí – trong truyện cười dân gian lại trở thành nơi phơi bày nghịch lí xã hội. Bằng lời đối đáp thâm sâu, đầu trí thông minh, dân gian đã biến tiếng cười thành một “vũ khí mềm” để bảo vệ công lí, đề cao trí tuệ bình dân. *Không gian công đường*, vì thế, là biểu tượng thu nhỏ của xã hội phong kiến – nơi sự tha hóa bị lột trần bằng tiếng cười chua chát nhưng vẫn đầy nhân văn.

Không gian công quyền được chọn làm phong nền trào lộng vì mang tính biểu tượng xã hội cao. *Công đường* là sân khấu tái hiện mối quan hệ giữa kẻ cai trị và dân chúng. Sự đảo lộn, phi lí ở đây lập tức gọi lên bức tranh xã hội thực tại. Người dân nhận ra rằng công lí đã bị bóp méo, kẻ cầm quyền vừa ngu dốt vừa tham lam, và đề sống sót, họ buộc phải khôn vặt, ứng biến. Không ít truyện cho thấy dân lật ngược thế cờ ngay tại pháp đình. Trong *Quan đối với chó, vế đối “Con chó vàng ăn cục cứt vàng”* khiến quan “*Quan huyện Thạch sang bến đò Thạch*” cứng họng. *Tiếng cười bật ra không chỉ từ chất tục mà còn từ sự bề mặt của tầng lớp quyền uy*. Truyện *Có lẽ giống, Cái ấy của làng...* là những đòn “hỏi mã thương” của người dân – biến công đường thành nơi giễu nhại, lật tẩy, và phản kháng quyền lực bằng một thứ “*phản biện mềm*” đầy trí tuệ dân gian.

Tóm lại, việc đưa không gian công đường vào truyện cười dân gian không chỉ là lựa chọn nghệ thuật mà còn là tuyên ngôn tư tưởng: dân chúng tuy thấp cổ bé họng nhưng luôn tinh táo, sáng suốt, và biết dùng tiếng cười như một hình thức phán xét công lí. Chính vì thế, truyện cười trào phúng về quan lại vẫn có sức sống lâu dài – không chỉ phản ánh xã hội phong kiến suy đồi mà còn để lại bài học sâu sắc về quyền lực, đạo đức và trách nhiệm công quyền trong mọi thời đại.

2.1.4. Không gian tâm linh

Bên cạnh những không gian đời thường như làng mạc, gia đình, công đường..., *truyện cười dân gian Việt Nam* còn khai thác một không gian đặc biệt: *không gian tâm linh*. Đây là kiểu không gian nghệ thuật gắn với tín ngưỡng, tôn giáo hoặc siêu nhiên – như chùa chiền, đình miếu, nhà thờ, thiên đình, âm phủ. Không gian này phản ánh thế giới linh thiêng theo tưởng tượng dân gian, nhưng lại được thể hiện qua lăng kính trào lộng, nơi *thần thánh bị trần tục hóa, quy chuẩn bị đảo*

lộn, tạo tiếng cười châm biếm sâu sắc. Tại đây, dân gian tự do hư cấu, giễu nhại các yếu tố nghiêm trang, gửi gắm thông điệp xã hội bằng tiếng cười hóm hỉnh, đầy tính phản biện.

Không gian tâm linh trong truyện cười mang đặc trưng pha trộn giữa *yếu tố thiêng* và *tục*, tạo nên nghịch lý hài hước. Những biểu tượng như Phật, Diêm Vương, ma quỷ... được đưa vào truyện với giọng điệu giễu nhại, *giải thiêng nhưng không vô lễ*. Theo thống kê, có 32 truyện thuộc nhóm này – gồm 15 truyện về chùa chiền, 10 truyện về thầy cúng/thầy bói, và 7 truyện về thiên đình, âm phủ. Như vậy, *không gian tâm linh* là mảng đề tài phong phú, nơi yếu tố *trào lộng*, *ẩn dụ* và *phê phán xã hội* hòa quyện vào nhau.

Trong không gian ấy, các nhân vật *dám chọc ghẹo thần linh, đối thoại với ma quỷ*, khiến yếu tố linh dị trở nên mỉa mai, phi lý – chính là mảnh đất màu mỡ cho tiếng cười bật ra. Nhân vật trung tâm thường là *thầy cúng, thầy bói, pháp sư* – những người có vai trò dẫn dắt đời sống tín ngưỡng nhưng lại bị “hạ bệ” qua các tình huống trớ trêu. Trong *Khịt khịt thềm thụt với xôi*, ông từ tưởng thần hiện về nhưng hóa ra là cụ lý trốn vợ sau vụ dan díu, đang nằm trong đền [14; 163] – một truyện mà *bất tín với thần linh cũng là bất tín với chức sắc*, thể hiện rõ quan điểm phản biện. Các truyện như *Thầy trừ chồn, Mẹo thầy cúng*... cho thấy sự lừa lọc, kiếm chác dựa trên mê tín, biến những không gian thiêng như bàn thờ, am miếu, chùa chiền thành *bức tranh châm biếm*. Như vậy, *không gian tâm linh* trở thành công cụ “phản biện mềm” – cho phép dân gian đả phá giới tu hành, hủ tục mà không đối đầu trực diện với thiết chế tôn giáo.

Trong không gian tâm linh, *không gian chùa chiền* xuất hiện nhiều hơn cả. Đây vốn là nơi linh thiêng, yêu cầu con người cư xử chuẩn mực. Thế nhưng, trong truyện cười dân gian, nhiều nhà sư lại biến chốn này thành nơi *bù khú, phạm giới*, khiến tiếng cười bật ra từ nghịch lý. Truyện *Đánh chết tôi trước* kể ông sư nằm đè lên bà vải trong chùa. Truyện *Chuyện trong chùa* mô tả màn tán tỉnh giữa nhà sư và bà vải: “*Yêu nhau chút gọi là/ Mời vải xuống nhà oán/ Ta...*”. Ca dao cũng không ít câu trào phúng: *Một tay gõ mõ gõ chuông/Một tay bóp vú cô nương nghe kinh...* Nhân vật ông sư còn ăn thịt chó – điều cấm kỵ trong giới luật. Truyện *Con thanh tịnh* kể sư thú nhận ăn thịt cây [11; 146]. Trong *Đậu phụ cần*, sư cụ ngụy biện ăn thịt chó là “đậu phụ”, để rồi bị chú tiểu nói móc: “Bạch cụ, đậu phụ làng cần đậu phụ chùa à!” [11; 147]. Qua đó, dân gian tố cáo việc *giả tu, giả giới*, biến chốn thiền môn thành nơi thỏa mãn thú ăn uống, nhục dục. Những khảo sát trên cho thấy *không gian tâm linh* là “sân khấu” đặc biệt cho các thủ pháp trào phúng: *giải thiêng* (thần thánh hóa trần tục), *đảo vai* (kẻ dưới kiện bề trên như *Kiện Trời*), *nghịch lý* (thầy cúng sợ ma, thần nhận hối lộ) và *ẩn dụ* (âm phủ như công đường). Sự kết hợp giữa yếu tố kì ảo và cách kết truyện bất ngờ (*punchline*) đã tạo nên tiếng cười vừa hài hước vừa thâm thúy.

Ở *bình diện tư tưởng – xã hội*, tiếng cười tâm linh trong truyện cười dân gian thể hiện thái độ tỉnh táo, chủ động của người Việt. Họ phê phán giới tu hành giả đạo đức, châm biếm mê tín, đề cao trí khôn dân gian. Tiếng cười còn là khát vọng công lý, phản kháng bất công. Nhờ vậy, dân gian giải thiêng quyền lực tôn giáo, chế ngự nỗi sợ tâm linh, và khẳng định tinh thần sống công bằng, tự do, trí tuệ, nhân văn.

Ở đây, chúng tôi cũng phân biệt hai không gian ít nhiều có sự nhập nhằng: *không gian công đường* và *không gian linh thiêng*. Tuy đều mang tính trang nghiêm nhưng mục đích nghệ thuật và tư tưởng lại khác biệt. *Không gian công đường* gắn với quan trường, pháp luật, các vụ kiện; còn *không gian tâm linh* diễn ra ở chùa chiền, âm phủ, thiên đình, có sự tham gia của thần linh, ma quỷ, sư sãi, thầy cúng. Về nghệ thuật gây cười, truyện công đường dựa trên lí sự, mẹo xử án; truyện tâm linh khai thác yếu tố kì ảo, giải thiêng. Về chức năng xã hội, tiếng cười công đường phê phán bất công, tiếng cười tâm linh phản bác mê tín, áp lực tinh thần. Cả hai đều mang tính giải phóng – một bên khôi quyền lực hữu hình, một bên khôi ám ảnh vô hình. Việc phân biệt này giúp ta hiểu rõ chức năng và tư tưởng của truyện cười trong từng bối cảnh.

Như vậy, *không gian tâm linh* trong truyện cười dân gian là kiểu không gian đặc sắc, nơi tiếng cười trào phúng vang lên giữa khói hương trang nghiêm. Bằng việc phân tích đặc điểm, thống kê truyện và thủ pháp nghệ thuật, có thể thấy người Việt xưa đã rất *tinh tế và sắc sảo* khi

biến yếu tố linh thiêng thành chất liệu hài hước. Tiếng cười này không chỉ giàu tính nghệ thuật (ẩn dụ, đảo ngược, giải thiêng), mà còn phản ánh triết lý sống dân gian – tinh táo, hài hước và phân biện.

Tóm lại, không gian nghệ thuật trong truyện cười dân gian không chỉ là địa điểm vật lý cụ thể (như đình làng, công đường, phòng ngủ...), mà còn được kiến tạo từ các quan hệ xã hội giữa con người với con người. Mỗi tương tác – như giữa vợ chồng, thầy trò, quan dân, tầng tục... – đều có thể định hình nên một “tinh huống không gian” sinh ra tiếng cười. Không gian trong truyện cười vì vậy không cố định, mà luôn vận động theo cấu trúc tương tác xã hội. Chính sự va chạm giữa các vai vế, chuẩn mực và kì vọng đạo đức đã tạo nên không gian nghệ thuật linh hoạt – nơi những lệch chuẩn bị phơi bày, trật tự bị đảo ngược, và tiếng cười bật lên như một phản ứng xã hội sâu sắc.

2.2. Vai trò của không gian đối với tiếng cười dân gian

Những phân tích trên cho thấy rằng trong truyện cười dân gian Việt Nam, *không gian nghệ thuật* giữ vai trò then chốt trong việc kiến tạo *yếu tố hài hước* và *giọng điệu trào phúng* mang tính phê phán xã hội. Tiếng cười dân gian là phương tiện châm biếm, đả kích cái xấu, đồng thời cũng nhằm mục đích giải trí. Mỗi truyện thường xoay quanh một *mâu thuẫn trào phúng* cụ thể, với *không gian truyện* – từ làng quê, gia đình đến công đường hay chốn linh thiêng – không chỉ làm nền, mà còn góp phần làm bật lên các sắc thái tiếng cười đặc trưng của dân gian.

Một đặc điểm nổi bật của không gian trong truyện cười dân gian là *tính phiếm chỉ* – tức không xác định rõ ràng về thời gian và địa điểm. Các truyện thường mở đầu bằng công thức quen thuộc như “ở một làng nọ”, “một gia đình kia”, gợi cảm giác mơ hồ, phi thời gian – phi địa phương. Không gian kể chuyện không mang đặc trưng vùng miền cụ thể, giúp nội dung truyện thoát khỏi *tính cục bộ*, đạt đến mức *khái quát* và *phổ quát cao*. Nhờ đó, tiếng cười lan tỏa rộng qua nhiều vùng miền, thế hệ. Tính phiếm chỉ còn thể hiện qua hệ thống nhân vật: thay vì tên riêng, nhân vật truyện cười thường chỉ *mang chức danh* hay *quan hệ xã hội* như anh chồng, ông quan huyện, bà góa..., nhằm phê phán những kiểu người phổ biến trong xã hội. Người đọc dễ thấy mình – hoặc “người làng” – trong đó. *Lợn cưới, áo mới* không cần địa danh, *Bầm chó cá* không cần chỉ rõ đối tượng, nhưng đều chạm đến bản chất thói hư tật xấu. Không gian nghệ thuật nhờ đó trở thành mô hình xã hội thu nhỏ, nơi tiếng cười lên tiếng thay cho lương tri cộng đồng – vừa sâu sắc, vừa an toàn, vừa đầy chất trào lộng.

Mặc dù mang tính *phiếm chỉ*, không xác định cụ thể thời gian – địa điểm, truyện cười dân gian người Việt vẫn thường được đặt trong một số kiểu không gian quen thuộc – mỗi loại không gian lại kiến tạo một “sân khấu” riêng để tiếng cười bật lên và thực hiện chức năng xã hội của nó. *Không gian làng quê* là phổ biến nhất, tạo nên nền cảnh gần gũi cho những truyện trào phúng nhẹ nhàng mà sâu sắc. Dưới góc độ thi pháp, không gian nông thôn góp phần tạo nên *chất liệu đời thường, mộc mạc* – một đặc trưng nổi bật của truyện cười dân gian Việt Nam. Làng quê hiện lên qua vài chi tiết sơ lược, vừa đủ gợi hình dung, nhường chỗ cho triển khai mâu thuẫn trào phúng. Nhờ sự quen thuộc ấy, người nghe dễ hình dung khung cảnh, từ đó hiệu ứng gây cười nhanh chóng bật ra. Không gian này không chỉ làm nổi bật kết cấu ngắn gọn, súc tích mà còn góp phần định hình giọng điệu đặc trưng: hóm hỉnh, dí dỏm, thâm trầm chất dân gian bình dị. Chính từ nền tảng không gian quen thuộc đó, các mâu thuẫn trào lộng được trình bày sinh động, chân thực và dễ tiếp nhận – làm nên thi pháp truyện cười Việt, nơi tiếng cười bật ra từ những điều nhỏ nhất mà sâu sắc.

Không gian gia đình cũng là nơi phát sinh nhiều tình huống gây cười, đặc biệt xoay quanh các mối quan hệ thân thuộc như vợ chồng, mẹ chồng – nàng dâu, cha con... Đây là nơi các chuẩn mực đạo đức truyền thống được thử thách, nơi những bất cập, xung đột ứng xử được phóng đại thành tình huống hài hước. Nhờ gần gũi với đời sống thường ngày, tiếng cười ở đây thường nhẹ nhàng, dễ thấm, truyền tải hiệu quả các bài học luân lý mang tính nhân văn. Hai tiểu không gian là *bàn ăn* và *phòng riêng vợ chồng* góp phần làm nổi bật đặc trưng truyện cười dân gian: chỉ cần

đặt nhân vật vào bối cảnh quen thuộc, rồi khuếch đại những lệch chuẩn, tiếng cười sẽ bật ra. Không gian gia đình cho phép triển khai các mâu thuẫn nhỏ mà sâu, gắn với sinh hoạt thường nhật, giúp truyện dễ len vào tâm lý người nghe. Đây cũng là kiểu không gian phù hợp với kết cấu truyện ngắn gọn, nhiều bất ngờ – đặc trưng nổi bật của truyện cười dân gian. Các biểu tượng quen thuộc như bàn ăn, giường ngủ, gian bếp... được lồng ghép khéo léo, khiến tiếng cười mang tính phê phán mà vẫn gần gũi, đời thường.

Không gian công đường, công quyền là môi trường lý tưởng để tiếng cười trào phúng chạm đến các vấn đề chính trị – xã hội nhạy cảm. Dưới lớp vỏ uy nghiêm của luật pháp, dân gian bóc trần bản chất bất công, tham nhũng và ngu dốt của tầng lớp quan lại. Đây là nơi tiếng cười không chỉ để mua vui mà còn mang tính phản kháng – giúp người dân “nói kháy” kẻ có quyền mà không sợ bị quy tội. Không gian này vì thế vừa là nơi *giải nén tâm lý bị áp bức*, vừa là *diễn đàn đạo lý* để người bình dân thể hiện chính kiến. Về phương diện thi pháp, đây là khung cảnh đối thoại, tranh luận và va chạm xã hội – một “sân khấu kịch” giàu kịch tính để triển khai các mâu thuẫn trào phúng. Những phiên tòa trang nghiêm nhưng phi lý thường được đẩy đến đỉnh điểm bằng kết cấu đảo ngược logic – một thủ pháp quen thuộc trong truyện cười dân gian. Kiểu nhân vật điển hình như quan lại và dân đen làm nổi bật sự đối lập về địa vị, hành xử, từ đó phơi bày bất công và khôi phục công lý qua *lãng kính hài hước, nhân đạo* của dân gian.

Không gian tâm linh – bao gồm thiên đình, âm phủ, chùa chiền, cõi tiên... – là một dạng không gian đặc thù trong truyện cười dân gian, nơi thực tại được “giải giới”, nhường chỗ cho trí tưởng tượng tự do và sự phóng chiếu trào phúng. Dù mang vẻ ngoài siêu nhiên, kì ảo, nhưng chính trong môi trường “không có thật” ấy, dân gian lại gửi gắm những phản tư rất thật về trật tự xã hội, đạo lý con người. Truyện đưa con người bình dân vào thế giới linh thiêng, tạo nên những tình huống nghịch lý, nơi thần quyền nghiêm trang bị kéo xuống đời thường, trở thành đối tượng phê phán hài hước mà sâu cay. Đây là không gian lý tưởng để dân gian sáng tạo nghịch lý trào phúng, vận dụng giải thiêng, đảo ngược vai vế, ẩn dụ siêu nhiên, qua đó thể hiện trí tuệ phê phán và truyền tải các giá trị đạo đức – xã hội một cách nhẹ nhàng nhưng bản lĩnh.

Chính sự đa dạng trong kiểu loại không gian nghệ thuật đã tạo nên một hệ thẩm mỹ phong phú cho truyện cười dân gian Việt Nam. Không gian quen thuộc như gian bếp, mâm cơm, căn buồng, đồng ruộng – hoặc không gian trang nghiêm như công đường, chốn tu hành, thiên đình – đều được dân gian biến thành sân khấu cho tiếng cười: lúc hồn nhiên, dí dỏm; khi thâm trầm, sâu cay. Mỗi không gian phản chiếu đời sống, giúp tiếng cười vừa mang tính phê phán, vừa có giá trị giáo dục. Không gian không chỉ là nền cảnh mà còn là “đạo cụ nghệ thuật” tạo mâu thuẫn trào phúng. Trong *Tam đại con gà*, thầy đồ dốt nát lí giải chữ “kê” bằng chuỗi liên tưởng vô lí “dù di là con dù di, dù di là chị con công, con công là ông con gà” – tiếng cười bật ra từ sự lệch pha giữa vị thế kẻ dạy học và kiến thức thật sự. Truyện *Nhưng nó phải bằng hai mày* đặt một lí tưởng tham nhũng vào công đường xử án, để phơi bày sự phi lý khi công lý bị quyết định bởi phong bì, không phải lí lẽ. Mâu thuẫn giữa hình thức nghiêm minh và nội dung xử kiện lộ bịch được đẩy lên đỉnh điểm. Đây chính là cách dân gian sử dụng không gian như “sân khấu kịch”, nơi thói hư tật xấu bị giễu nhại bằng tiếng cười sắc sảo và thâm trầm nhân sinh.

Thực tế cho thấy, mâu thuẫn trào phúng trong đời sống thường bị che giấu dưới vỏ bọc lễ nghi, quy tắc hoặc quyền lực. Truyện cười có vai trò “giải cấu trúc” những giả tạo ấy bằng tiếng cười, và không gian chính là bộ phóng để điều đó hiện rõ. Những nơi càng trang nghiêm, càng “đứng đắn” thì khi có hành vi ngược chuẩn xảy ra, tiếng cười càng bật ra dữ dội. Sự tương phản giữa cái “nên là” và cái “đang là” làm nổi bật sự phi lý – từ đó, dân gian vừa được giải trí, vừa được nhắc nhở. Mâu thuẫn nội tại trong không gian cũng tạo nên xung đột trào phúng. Trong bức tranh không gian truyện cười, ta thấy những mảng đối lập: làng quê yên bình nhưng có tay hàng xóm xằng bậy; gia đình gia giáo nhưng có anh chồng ích kỉ; chốn học đường “trông người” nhưng chứa thầy đồ háo sắc; cõi Phật thanh tịnh nhưng đầy sư sãi giả tu. Không gian lúc này không chỉ là bối cảnh mà trở thành thành tố chứa đựng nghịch lý, nơi trật tự bị đảo chiều, hình thức đối chọi

nội dung, kì vọng đựng độ bản chất. Như vậy, không gian nghệ thuật trong truyện cười không chỉ phản ánh môi trường sống, mà còn được tổ chức có chủ đích để làm lộ rõ các nghịch lí hài hước. Nhờ đó, truyện cười dân gian thể hiện một cách kín đáo nhưng sắc sảo tinh thần phản biện và khát vọng công lí của người bình dân – nơi mã hóa dân gian gặp gỡ đạo lí, và tiếng cười biến không gian thành chốn “phơi bày” và “thức tỉnh”.

Từ những phân tích trên có thể thấy, không gian nghệ thuật trong truyện cười dân gian là tấm gương phản chiếu xã hội, nơi tư tưởng và cái nhìn của người dân về thế giới được thể hiện tự nhiên mà sâu sắc. Mỗi không gian – từ chốn làng quê, mái nhà, công đường đến thế giới tâm linh – đều góp phần kiến tạo tình huống gây cười và hàm chứa khát vọng âm thầm về một cuộc sống công bằng hơn. Tiếng cười không chỉ để mua vui hay giải tỏa áp lực, mà còn mang theo tinh thần dân chủ – tiếng nói bình dân đòi công lí – và tinh thần nhân bản, khi truyện cười lên án cái xấu để tôn vinh cái thiện. Không gian trong truyện cười không chỉ là bối cảnh kể chuyện, mà còn là phương tiện nghệ thuật chuyển tải quan điểm đạo đức, khát vọng nhân văn và tinh thần phản kháng. Truyện cười tuy giản dị, ngắn gọn, nhưng nhờ nghệ thuật tổ chức không gian linh hoạt và sắc sảo, đã trở thành thứ “vũ khí mềm” đầy thuyết phục, góp phần cải tạo xã hội bằng chính tiếng cười – một tiếng cười thấm đẫm trí tuệ dân gian và lí tưởng đạo đức của người Việt Nam.

3. Kết luận

Tóm lại, *không gian nghệ thuật trong truyện cười dân gian Việt Nam* không chỉ là phong nền kể chuyện mà còn là phương tiện đặc biệt giúp phơi bày, kích hoạt và chuyển tải mâu thuẫn trào phúng một cách hiệu quả. Mỗi kiểu không gian – từ *làng quê, gia đình, công đường đến thế giới tâm linh* – đều góp phần tạo nên một “trường diễn hài kịch” đặc thù, nơi tiếng cười dân gian được sinh thành, lan tỏa và lưu giữ qua thời gian. Trong không gian ấy, những thói hư tật xấu, bất công, phi lí của đời sống xã hội được phóng chiếu, khuếch đại và giễu nhại dưới *lăng kính trào phúng đầy bản lĩnh và nhân văn*. Không gian càng gần thực tại, tiếng cười càng trở nên đời thường, tự trào; không gian càng siêu thực, tính phản biện và chất châm biếm càng sâu sắc, an toàn. Nhờ tổ chức không gian linh hoạt, truyện cười dân gian không chỉ dừng lại ở giải trí mà vươn tới chiều sâu tư tưởng – phản ánh *ý thức dân chủ, tinh thần phản kháng mềm và trí tuệ tập thể* của nhân dân. Qua đó cho thấy, nghiên cứu không gian truyện cười không chỉ là đi tìm bối cảnh, mà là lần theo logic ngầm của cấu trúc mâu thuẫn, nơi tiếng cười bật lên như một hình thức phán xét xã hội giàu *tính triết lí và nhân văn*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] LB Hán, TĐ Sử,... (đồng chủ biên), (2004). *Từ điển thuật ngữ văn học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] TĐ Sử, (1998). *Dẫn luận thi pháp học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] TĐ Sử chủ biên, (2023). *Dẫn luận thi pháp văn học*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [4] LĐ Luận, (2019). *Giáo trình thi pháp Văn học dân gian*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5] NC Bền chủ biên, (2009). *Truyện cười – quyển 3*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6] TT Kim, (2022). *Việt Nam sử lược*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [7] TĐ Nam chủ biên, (2010). *Truyện cười dân gian Việt Nam – tập 1*. NXB Kim Đồng, Hà Nội.
- [8] VN Khánh, (1995). *Kho tàng truyện cười Việt Nam – tập 2*. NXB Văn hóa, Hà Nội.
- [9] ĐB Trị, (1990). *Giáo trình văn học dân gian*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [10] Chevalier J, Gheerbrant A, (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* (Phạm Vĩnh Cư & đồng sự dịch), NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [11] T Chính & P Châu, (1993). *Tiếng cười dân gian Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [12] PK Bính, (2022). *Việt Nam phong tục*. NXB Văn học, Hà Nội.
- [13] Insun Y, (2023). *Luật và xã hội Việt Nam thế kỉ XVII – XVIII*. (Nguyễn Quang Ngọc dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [14] NC Bền chủ biên, (2014b). *Truyện cười dân gian người Việt – quyển 2*. NXB Khoa học Xã hội.